

Mất ít và thắng nhiều:

Xây dựng năng lực hướng tới cân bằng giữa bảo tồn và phát triển tại lưu vực sông Mê công

Biên soạn bởi Mai Hoàng Yến và Terry C. H. Sunderland

Cân bằng mục tiêu bảo tồn và phát triển: mất ít và thắng nhiều

Các trường hợp “đôi bên cùng có lợi”, trong đó đạt được cả hai mục tiêu về bảo tồn và phát triển, dường như chỉ là trường hợp ngoại lệ chứ không mang tính qui luật nhất định. Người dân khai phá rừng vì rừng mang lại thu nhập cho họ, trong khi đó, bảo vệ rừng có thể phải trả giá bằng việc xoá bỏ các lợi ích của người dân. Viễn cảnh “đôi bên cùng có lợi”, rất hiếm thấy, và cân bằng giữa những gì được và mất trong bảo tồn và phát triển cần phải được nhận định.

Nhằm xem xét những gì được và mất trong bảo tồn và phát triển, cũng như tìm hiểu các hướng tiếp cận và công cụ có thể áp dụng sao cho mỗi cân bằng này được rõ ràng và qua đó lên kế hoạch cho chúng, Trung tâm nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR) đang tiến hành một dự án nghiên cứu kéo dài ba năm (2006-2009) tại các quốc gia ở lưu vực sông Mê công (Campuchia, Lào và Việt Nam). Mục tiêu của chúng tôi nhằm phát triển tốt hơn nữa các công cụ lồng ghép bảo tồn và phát triển với mục tiêu hỗ trợ các tổ chức trong quá trình thiết kế và thực hiện các dự án bảo tồn và phát triển ở cấp độ cảnh quan hiệu quả hơn. Dự án được thực hiện thông qua học hỏi các thành công cũng như thất bại của các trường hợp đi trước và tìm hiểu mối cân bằng và bổ trợ lẫn nhau giữa mục tiêu sinh kế và bảo tồn.

Phương pháp tiếp cận

Một trong những hoạt động của dự án là nghiên cứu nhằm xác định các phương pháp tốt nhất trong quá trình thiết kế và thực thi dự án có sự lồng ghép giữa bảo tồn và phát triển (ICDPs). Nghiên cứu này nhằm đánh giá xem các phương pháp tốt nhất được nhiều người công nhận đã

được đưa vào các dự án bảo tồn và phát triển tại lưu vực sông Mê công ở mức độ nào, và những gì phải cân nhắc trong thiết kế và thực thi dự án bảo tồn và phát triển.

Để xem xét các phương pháp tốt nhất trong thiết kế và thực thi dự án, một loạt các tài liệu được rà soát cũng như các phương pháp phân tích đa yếu tố trên diện rộng được áp dụng nhằm tìm hiểu bố cục giữa điểm dự án, thiết kế dự án, các hoạt động của dự án và quản lý dự án. Để làm rõ hơn, một nghiên cứu điểm chuyên sâu sử dụng phương pháp định tính được thực hiện tại Vườn Quốc Gia Cát Tiên, Việt Nam nhằm tìm ra một hướng tiếp cận tìm hiểu các yếu tố có thể ảnh hưởng tới khả năng người dân kế thừa và gắn kết với cơ chế Chi trả dịch vụ môi trường (PES), và từ đó giúp thiết kế cơ chế.

Các phương pháp tốt nhất sẽ được nâng cao thông qua tuyên truyền có sự tham gia của giới truyền thông và thông qua các sự kiện trên các diễn đàn khu vực và quốc tế về bảo tồn và phát triển. Trong khuôn khổ dự án, hai đề tài tiến sĩ và một đề tài thạc sĩ nghiên cứu về các vấn đề liên quan đã và đang được các nghiên cứu sinh tại trường Đại học Charles Darwin, Ôxtrâyliya thực hiện nhằm xây dựng kỹ năng và kiến thức về hoạt động bảo tồn.

Các điểm dự án của chúng tôi

Nghiên cứu này bao trùm ba quốc gia tại lưu vực sông Mê công, trong đó có Campuchia, Lào và Việt Nam (Hình 1). Chúng tôi đang làm việc tại 15 khu vực cảnh quan được bảo tồn, với 5 điểm tại mỗi quốc gia tại Campuchia, Lào và Việt Nam. Điều kiện chọn điểm bao gồm: a) Ít nhất một phần mục tiêu bảo tồn tập trung vào rừng; b) Qui mô khu bảo tồn phải lớn hơn 10000 hecta; c) Phải có một hoặc nhiều dự án quản lý khu bảo tồn và liên đới tới các vùng đệm; và d) Điểm phải có dự án hoạt động ít nhất trong

vòng 5 năm trở lại đây (2003-2007). Các thí điểm được chọn dựa trên khả năng tiếp cận và tiến hành thực địa, thiện ý liên kết của các tổ chức, và có số liệu.

Một trong những điểm nghiên cứu nêu trên, Vườn Quốc Gia Cát Tiên Việt Nam, được chọn để nghiên cứu chuyên sâu về những gì cần phải cân nhắc khi áp dụng hướng tiếp cận có sự tham gia vào cơ chế PES, một trong những công cụ lồng ghép bảo tồn và phát triển.

Các mô hình mô phỏng, sử dụng chương trình phần mềm 'STELLA', cũng sẽ được sử dụng nhằm tìm hiểu các viễn cảnh có thể xảy ra trong tương lai cho bảo tồn tại 2 điểm, Vườn Quốc Gia Cát Tiên tại Việt Nam và Khu bảo tồn đa dạng sinh học Seima tại Campuchia. Những viễn cảnh này sẽ được tìm hiểu để xem dự án bảo tồn và phát triển mang lại những lợi ích gì và đề xuất các hướng tiếp cận, ví dụ như bảo tồn dựa vào cộng đồng, hay là các hướng tiếp cận bảo tồn và chi trả cho các dịch vụ môi trường.



Vườn Quốc Gia Virachey, Campuchia
– Ảnh: Luke Preece



Hình 1. Các điểm nghiên cứu: 15 khu bảo tồn rừng trong lưu vực sông Mê Kông

Các cảnh quan bảo tồn được chọn: Campuchia, Lào và Việt Nam

- Vườn Quốc Gia Cát Tiên, Nam Việt Nam
- Khu Bảo tồn thiên nhiên Sông Thanh, Trung Việt Nam
- Vườn Quốc Gia Bạch Mã, Trung Việt Nam
- Vườn Quốc Gia Tam Đảo, Bắc Việt Nam
- Khu Bảo tồn thiên nhiên Văn Bản, Bắc Việt Nam
- Khu Bảo tồn Đa dạng sinh học Seima, Đông Campuchia
- Rừng Bảo tồn miền Trung Cardamom, Tây Nam Campuchia
- Rừng Bảo tồn Monduliri, Đông Campuchia
- Khu Bảo tồn động vật hoang dã Phnom Samkos, Tây Nam Campuchia
- Vườn Quốc Gia Virachey, Đông Bắc Campuchia
- Hành lang Đa dạng sinh học Dong Hoa Sao-Xe Pian, Nam Lào
- Khu Bảo tồn Quốc gia Naki-Nam Theun, Đông Lào
- Khu Bảo tồn Quốc gia Nam Kading, Trung Lào
- Khu Bảo tồn Quốc gia Nam Et-Phou Louey, Bắc Lào
- Khu Bảo tồn thiên nhiên Bokeo, Bắc Lào

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi

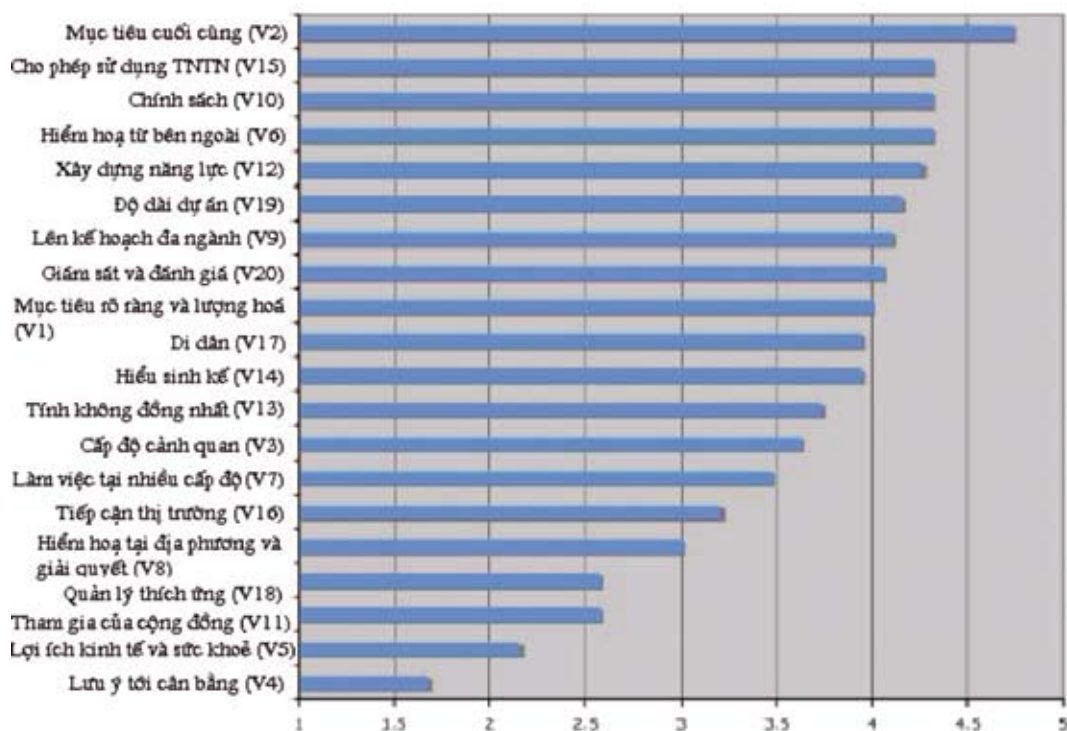
Thiết kế dự án – Các phương pháp tốt nhất trong thiết kế dự án lồng ghép bảo tồn và phát triển tại Campuchia, Lào và Việt Nam

Dựa vào rà soát tài liệu và tiến hành phỏng vấn, một bộ gồm 20 phương pháp tốt nhất (Hộp thông tin 1) được sử dụng cho phân tích thiết kế dự án.

Các kết quả từ nghiên cứu cho thấy, nói chung các dự án trong khu vực áp dụng tốt các ứng dụng trong thiết kế dự án. Dự án thành công nhất trong khâu xác định mục tiêu cuối cùng, cho phép cộng đồng sử dụng tài nguyên thiên nhiên, ghi nhận các hiểm họa từ bên ngoài, và đảm bảo chính sách có mặt để ủng hộ dự án. Tuy nhiên, các dự án thường không để ý tới sự cân bằng, ít coi trọng việc cung cấp bằng chứng về sức khỏe và lợi ích kinh tế bền vững cho cộng đồng địa phương hoặc ít thấy mô tả việc áp dụng phương thức quản lý thích ứng. Các

Hộp thông tin 1. Các biến số được dùng trong phân tích

- | | |
|---|--|
| 1. Xác định rõ ràng, các mục tiêu có thể lượng được | 11. Sự tham gia nhiều hơn của cộng đồng |
| 2. Làm rõ mục tiêu cuối cùng: bảo tồn và/hoặc phát triển | 12. Xây dựng năng lực với các tổ chức và đoàn thể địa phương |
| 3. Cấp độ cảnh quan | 13. Ghi nhận tính không đồng nhất của cộng đồng |
| 4. Lưu ý tới các yếu tố được và mất | 14. Hiểu biết rõ về sinh kế địa phương |
| 5. Đạt được các lợi ích rõ ràng về kinh tế bền vững hoặc sức khỏe cộng đồng | 15. Cho phép sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên |
| 6. Các hiểm họa từ bên ngoài | 16. Tiếp cận thị trường |
| 7. Làm việc với nhiều cấp khác nhau | 17. Nhập cư |
| 8. Các hiểm họa địa phương và hướng giải quyết | 18. Quản lý thích ứng |
| 9. Lên kế hoạch đa ngành | 19. Độ dài dự án |
| 10. Chính sách ủng hộ can thiệp | 20. Giám sát và đánh giá |



Hình 2. Điểm trung bình cho các biến số

dự án ở cấp độ cảnh quan có xu hướng lưu ý tới các hiểm họa từ bên ngoài nhằm triển khai hệ thống giám sát và đánh giá hiệu quả, song vẫn không đạt được một số các khía cạnh sinh kế trong thiết kế dự án bảo tồn và phát triển. Cân bằng giữa bảo tồn và phát triển chỉ mới được đề cập tới bởi các dự án bảo tồn gần đây (Hình 2).

Thông điệp: Các dự án cần lưu ý các phương pháp tốt nhất này trước khi triển khai dự án mới, để có thể đạt được thành công hơn nữa trong lồng ghép nhiệm vụ bảo tồn và phát triển của mình.

Thực thi dự án – Các chiến lược cân bằng giữa bảo tồn và phát triển tại Campuchia, Lào và Việt Nam

Mục tiêu trước tiên của các tổ chức bảo tồn là bảo tồn đa dạng sinh học thông qua giảm thiểu các mối hiểm họa (Hộp thông tin 2). Tuy nhiên họ phải hoạt động trong một mạng lưới các bên liên quan khác nhau với các kì vọng khác nhau. Do đó, thực hiện đồng thời các chương trình phát triển và đàm phán thành công với các nhóm quan tâm là vấn đề thiết yếu.

Các hoạt động chính của các tổ chức

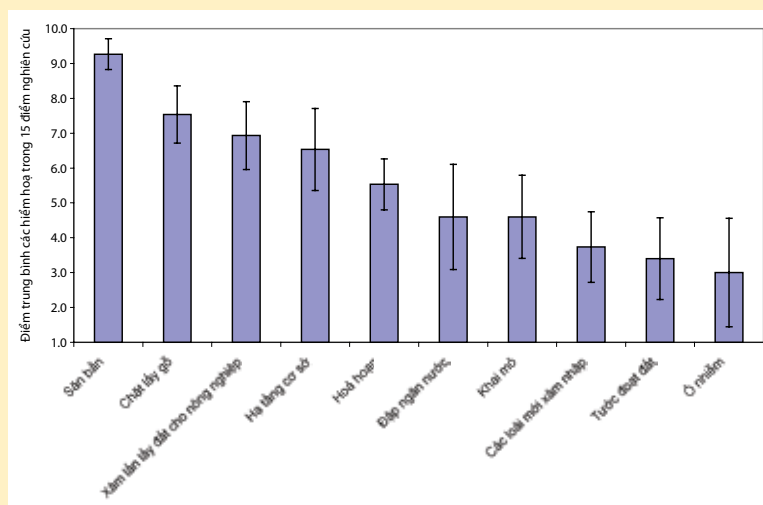
Có ba hoạt động chính mà các tổ chức tại các điểm nghiên cứu đang tiến hành là: Bảo tồn (thực thi luật pháp, phân chia ranh giới, vvv), Phát triển (sinh kế, giáo dục, phát triển cơ sở hạ tầng) và Xây dựng thể chế (luật pháp, điều lệ, qui hoạch sử dụng đất và xây dựng năng lực chuyên môn) (Hộp thông tin 3).

Tập trung của dự án

Kết quả bước đầu của chúng tôi cho thấy các dự án tập trung đặc biệt vào bảo tồn hoặc phát triển thường có xu hướng thành công hơn các dự án lồng ghép (Hình 4). Từ đó cho thấy tập trung vào một hoạt động có thể tăng cường kết quả (một chiến lược chuyên môn hoá). Khi dự án tập trung ít hơn vào bảo tồn, kết quả nhằm vào các mục tiêu bảo tồn giảm sút, tương tự với các dự án tập trung hơn vào bảo tồn, kết quả nhằm vào các mục tiêu phát triển suy giảm. Các dự án phát triển cũng cho kết quả giống như vậy. Hoạt động của các dự án chuyên môn hoá bảo tồn hoặc phát triển không bị dàn trải giống các dự án thực hiện cả hai mục tiêu. Những dự án như vậy thường có xu hướng thực hiện nhiều hoạt động cùng một lúc và do đó họ tập trung rộng hơn vào một chuỗi các kết quả đầu ra của dự án.

Hộp thông tin 2. Các hiểm họa chính đối với đa dạng sinh học tại 15 điểm nghiên cứu

Săn bắn được xếp hạng cao nhất trong 15 điểm dự án, tiếp theo đó là chặt lấy gỗ, xâm lấn lấy đất cho nông nghiệp, phát triển cơ sở hạ tầng và hoả hoạn. Khai mỏ và đập ngăn nước xếp hạng thấp hơn nhưng tại một số khu vực lại chiếm vị trí khá cao, đặc biệt tại một số điểm tại Campuchia và Lào. Các hiểm họa mang tính quốc gia được xếp hạng thấp nhất; trong đó Việt Nam đối mặt với vấn đề ô nhiễm và các loài mới xâm nhập, và Campuchia là các vấn đề về tước đoạt đất (Hình 3).



Hình 3. Điểm xếp hạng trung bình các hiểm họa tới tính đa dạng sinh học tại 15 điểm nghiên cứu, với độ lệch tiêu chuẩn. Tính toán dựa trên thang 1-10 điểm; 1 = ít ưu tiên nhất; 10 = ưu tiên nhất

Hộp thông tin 3. Các chiến lược mà các dự án tại điểm áp dụng nhằm khắc phục các hiểm họa tới tính đa dạng sinh học

Bảo tồn: là ưu tiên hàng đầu trong việc kiểm soát khai thác lâm sản (ví dụ như săn bắn, chặt lấy gỗ, xâm lấn lấy đất cho nông nghiệp và thu hoạch lâm sản ngoài gỗ). Một số các tổ chức làm việc tại các điểm hầu như chỉ tập trung vào bảo tồn, họ tiến hành các hoạt động như đào tạo thực thi pháp luật, bảo tồn và giám sát môi trường và các loài tập trung.

Phát triển địa phương: bao gồm các hoạt động giáo dục (ưu tiên vào giáo dục môi trường và nâng cao hiểu biết), hỗ trợ sức khỏe, phát triển cơ sở hạ tầng, tạo thu nhập cho người dân địa phương thông qua cung cấp các hoạt động tạo thu nhập khác và đào tạo các thực hành nông nghiệp và quản lý tài nguyên.

Xây dựng thể chế: thể hiện qua các biến số như qui hoạch sử dụng đất và phát triển thể chế, cũng là một bộ phận quan trọng trong hoạt động của các dự án. Các chương trình thường hoạt động nhằm phát triển các luật lệ cấp quốc gia và địa phương về kiểm soát các hành vi mua bán động vật hoang dã và gỗ, qui hoạch sử dụng đất và các quyền sở hữu đất cho người dân địa phương (với mục tiêu giảm hiện tượng tước đoạt đất), và xây dựng năng lực chuyên môn cho cán bộ nhà nước.

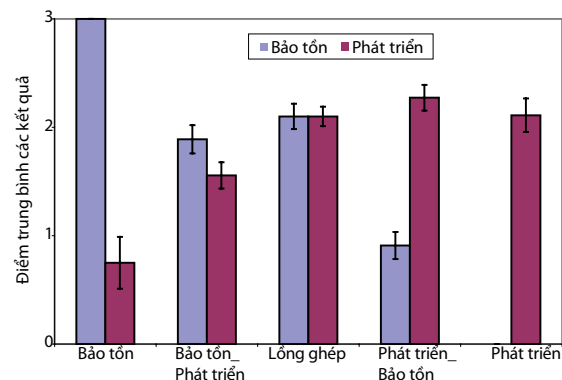
Các hoạt động cân bằng bảo tồn và phát triển

Các chiến lược của các dự án tại lưu vực sông Mê Kông có xu hướng cân bằng giữa bảo tồn và phát triển. Nếu dự án thực hiện các hoạt động phát triển điển hình như phát triển hạ tầng cơ sở, cung cấp các khuyến khích kinh tế địa phương và giáo dục, họ dường như ít thực hiện các nghiên cứu, thực thi pháp luật hoặc các hoạt động trực tiếp về bảo tồn. Tuy nhiên, bảo tồn và phát triển về thực chất luôn gắn kết với nhau do bất kỳ hoạt động bảo tồn nào của các tổ chức cũng có ảnh hưởng tới sinh kế tại địa phương và ngược lại.

Kết quả của dự án nhằm đạt được các mục tiêu

Kết quả của các dự án trong nghiên cứu của chúng tôi phụ thuộc vào các vấn đề liên quan đến quản

lý và đàm phán. Nhà nước giữ vai trò quản lý tại cả 15 điểm, họ thường liên kết với các tổ chức quốc tế, những người cung cấp hỗ trợ chuyên môn và tài chính. 14 trong số 15 dự án bảo tồn tại điểm liên kết với các tổ chức phi chính phủ. Quản lý gắn kết với báo cáo, cơ chế giám sát và đánh giá. Đàm phán, bao gồm tham gia của người dân địa phương, liên kết với các tổ chức khác và tham vấn với nhiều bên liên quan khác nhau.



Hình 4. Các kết quả của mục tiêu bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển sinh kế của các dự án tập trung vào bảo tồn, phát triển hoặc kết hợp cả hai

Thông điệp: Các tổ chức bảo tồn, các tổ chức phát triển thường đạt được các mục tiêu mà họ đề ra, nhưng họ ít đạt được kết quả khi phải kết hợp cả hai mục tiêu do họ phải dàn trải trên nhiều lĩnh vực và thực hiện nhiều hoạt động cùng một lúc. Để lồng ghép thành công bảo tồn và phát triển trên cấp độ cảnh quan, một cơ chế đàm phán trong đó có sự tham gia, hợp tác và tham vấn cần phải được lồng ghép vào quá trình, đúc kết từ chuyên môn, hoặc chuyên ngành, của các bên liên quan.

Lắng nghe tiếng nói từ địa phương về PES: một nghiên cứu điển hình tại Việt Nam về làm thế nào và cân nhắc khía cạnh nào từ cộng đồng địa phương khi thiết kế cơ chế PES vì người nghèo

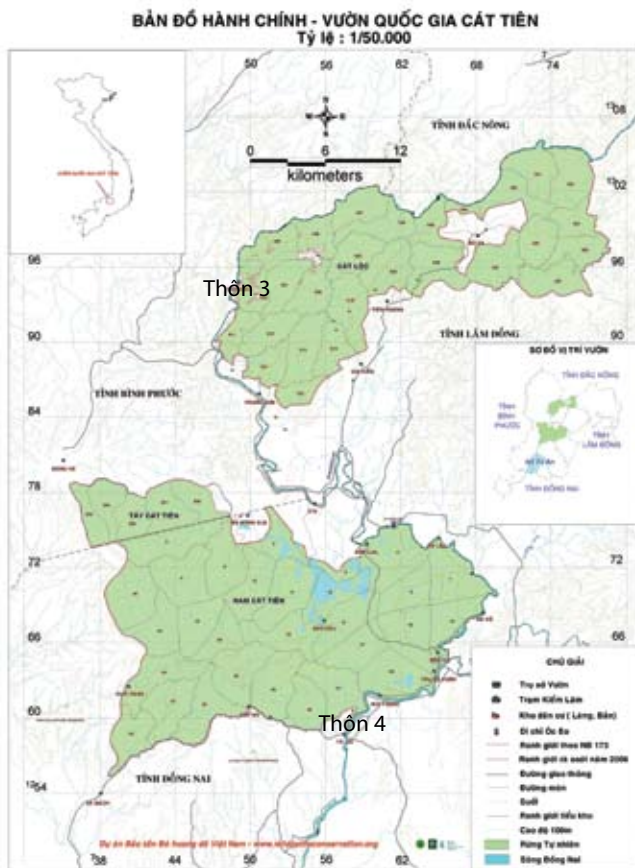
PES được coi là một trong những công cụ tiềm năng cung cấp các khuyến khích cho bảo tồn. Trong những năm gần đây đã có nhiều mối quan tâm nhiệt tình tới khái niệm PES. Nó được coi như một hướng tiếp cận "yêu cầu và kiểm soát" khác

trong quản lý tài nguyên thiên nhiên. Trong khi được coi như một lựa chọn khác cho các hướng tiếp cận gián tiếp, ví dụ như lồng ghép bảo tồn và phát triển, những cơ chế như vậy được tiên đoán sẽ là công cụ duy nhất nhằm đạt được cả hai mục tiêu bảo tồn và phát triển.

Mặc dầu vậy, để nâng cao cơ hội lồng ghép bảo tồn và phát triển, tham gia của người dân một cách có ý nghĩa là một trong những tiêu chí. Việc loại trừ cộng đồng dân nghèo trong thiết kế những cơ chế như vậy, bao gồm PES, có thể dẫn tới không đạt được hiệu quả và thất bại.



Khu Bảo tồn Quốc gia Nam Et-Phou Louey, Lào
– Ảnh: Terry Sunderland

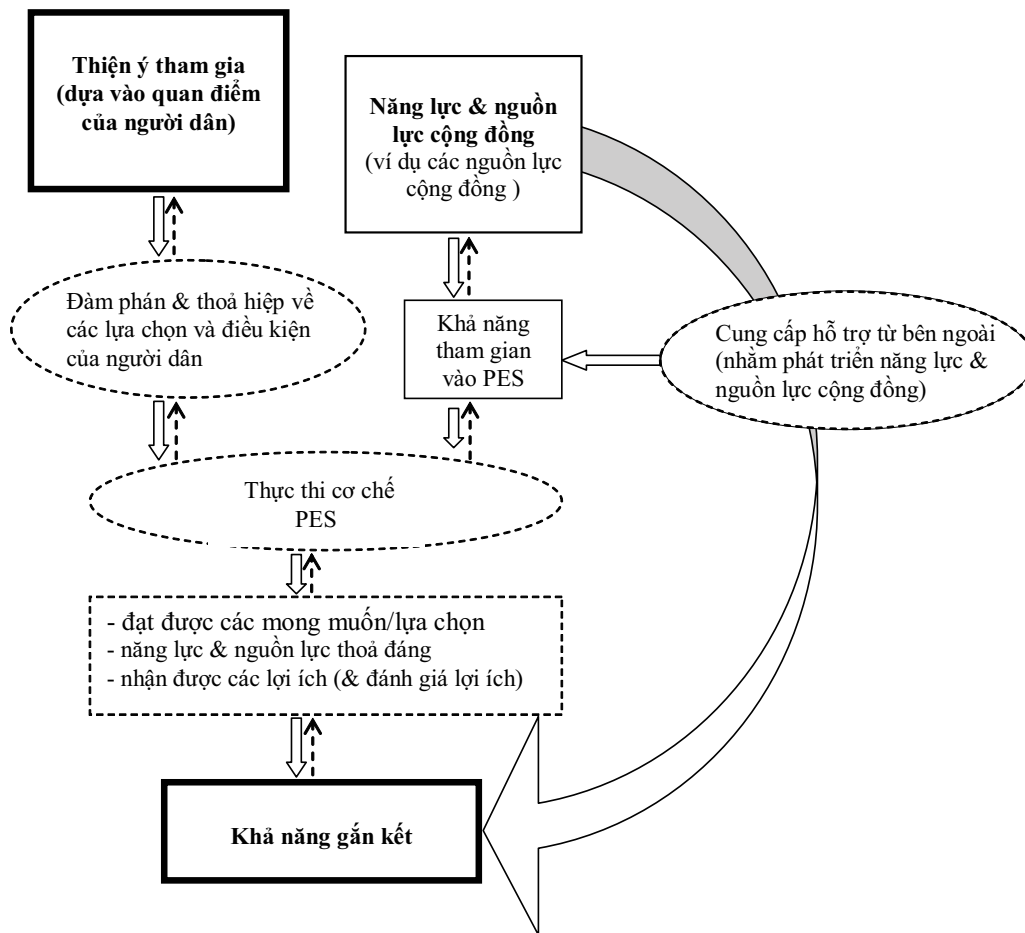


Hình 5. Bản đồ Vườn Quốc Gia Cát Tiên và địa điểm của hai xã trong nghiên cứu (Nguồn: Vườn Quốc Gia Cát Tiên)

Một nghiên cứu có sự tham gia được thực hiện tại Vườn Quốc Gia Cát Tiên, nơi mà cơ chế phát triển PES được cân nhắc. Nghiên cứu tập trung vào một xã tại vùng đệm và một xã tại vùng lõi (Hình 5) nhằm trả lời câu hỏi làm thế nào và những khía cạnh nào từ cộng đồng địa phương nên được cân nhắc khi thiết kế cơ chế PES vì người nghèo. Cách nhìn nhận và thông tin thu thập từ những người cung cấp dịch vụ tiềm năng có thể có ích đối với các tổ chức đang xem xét khả năng giới thiệu và thực hiện cơ chế PES tại Vườn Quốc Gia Cát Tiên, và có thể tại những khu bảo tồn khác.

Thu thập và phân tích kết quả nghiên cứu dựa vào phân tích ba cơ cấu đánh giá người dân địa phương về: Khả năng tham gia vào PES (bao gồm năng lực và nguồn lực của cộng đồng); Thiện ý tham gia vào PES; và Gắn kết với PES¹ (Hộp thông tin 4). Hiệu quả

1 Cơ chế thứ nhất được đúc kết từ Mô hình Sinh kế bền vững của Carney 1998 – (Carney, D. (1998). *Sustainable rural livelihoods: what contribution can we make?*, DFID, London (1998)). Cơ chế thứ hai được rút ra từ một lý thuyết về nhận thức phát triển bởi Leeuwis 2002 trong (Leeuwis, C. (2002) Making explicit the social dimensions of cognition. In Leeuwis and, C. and Pyburn, R. (eds) *Wheelbarrows full of frogs. Social learning in rural resource management*, Koninklijke Van Gorcum, Netherlands. 391-406).



Hình 6. Các yếu tố ảnh hưởng tới khả năng gắn kết của người cung cấp tiềm năng với PES

của thiết kế cơ chế PES có thể được nâng cao thông qua phân tích kết quả từ các cơ chế này. Ở đây, chúng ta có thể chỉ rõ các yếu tố kiểm chế, cũng như các yếu tố cho phép, hướng dẫn những người đề xuất PES nhằm đảm bảo thiết kế hợp nhất các quá trình và các đặc điểm để nâng cao khả năng gắn kết lâu dài với PES và do đó, nâng cao tính bền vững của các chương trình PES (Hình 6).

Nghiên cứu đề xuất:

- Đàm phán trước và sau khi thực hiện PES là quan trọng nhằm giải thích rõ ràng về các đền đáp và điều kiện, mong muốn từ các bên, nhằm giúp người dân gắn kết hơn với PES;

- Một cơ chế PES có thể hoạt động tốt hơn nếu "người mua" là công ty hoặc tổ chức cá nhân, hơn là nhà nước nhằm tránh suy nghĩ rằng PES là một hình thức phúc lợi;
- Các bên trung gian đóng vai trò quan trọng trong cung cấp các hỗ trợ từ bên ngoài trong cơ chế PES;
- PES và các dự án lồng ghép bảo tồn và phát triển có thể hỗ trợ cho nhau khá tốt trong bối cảnh vì người nghèo, do những yếu tố cản trở người dân địa phương tham gia vào PES thường giống với những yếu tố được ưu tiên trong các hướng tiếp cận gián tiếp nhằm phát triển.

Hộp thông tin 4. Các cơ chế nhằm tìm hiểu tiếng nói của người nghèo tham gia vào PES

Khả năng tham gia vào PES (năng lực và nguồn lực của cộng đồng)

Để đạt được cái nhìn sâu rộng vào hàng loạt các yếu tố kiểm chế hoặc cho phép khả năng (và điều kiện) của người dân tham gia vào PES. Điều này có thể đạt được thông qua xác định sáu nguồn lực (đúc kết từ mô hình sinh kế bền vững): thiên nhiên (ví dụ như chất lượng nước và độ màu mỡ của đất); con người (ví dụ như giáo dục và sức khỏe); xã hội (ví dụ như các tổ chức truyền thống và mức độ lòng tin); cơ sở vật chất (ví dụ như nhà cửa và đường xá); văn hoá (ví dụ như tâm linh, gắn kết với thiên nhiên, bản sắc văn hoá); và tài chính (ví dụ như tiếp cận vốn, tiết kiệm và dòng tiền mặt).

Thiện chí tham gia vào PES

Một loạt các quan điểm cơ bản liên quan đến nhu cầu, mong muốn và giá trị cộng đồng có thể ảnh hưởng tới thiện chí của người dân tham gia vào PES. Thiện chí bao gồm những yếu tố liên quan tới năng lực và nguồn lực cần thiết cho PES, lợi ích từ PES, và hiểu biết của người dân về PES. Những quan điểm và hiểu biết này về PES có thể, ngược lại, hình thành những ý thích và mong muốn được tham gia vào PES – và từ đó là thiện chí tham gia.

Gắn kết với PES

Khả năng gắn kết được quyết định một phần bởi năng lực và nguồn lực thực tế có trong cộng đồng. Mặc dầu vậy, gắn kết cũng phụ thuộc rất nhiều vào quan điểm của người dân về năng lực và nguồn lực mà họ có, và những đền đáp và yêu cầu về thời gian và các nguồn lực khác của họ (phản ánh bởi 'thiện chí tham gia'). Sau khi tham gia, thiện chí của người dân có thể suy giảm hoặc tăng lên, do thay đổi quan điểm của họ về các yếu tố trên, ví dụ các đền đáp, năng lực cá nhân và các nguồn cần thiết.

Gắn kết với PES cũng có thể phụ thuộc vào khâu thiết kế có lồng ghép các hỗ trợ nâng cao năng lực cộng đồng hoặc các nguồn lực hay không – trong những khu vực nhận thấy cần phải có hỗ trợ trước khi bắt đầu cơ chế.



Khu Bảo tồn Quốc gia Nam Et-Phou Louey, Lào
– Ảnh: Luke Preece

Hộp thông tin 5. Một số các cân nhắc khi thiết kế PES tại Vườn Quốc Gia Cát Tiên

Các yếu tố kiểm chế mà người dân ở cả hai thôn (đặc biệt là ở vùng lõi) cho là còn thiếu, được liệt kê sau đây:

- Quyền tự quản của cộng đồng và độc lập;
- Chuyên môn, kỹ năng đọc viết và đếm (và thông thương/quản lý tiền bạc);
- Trao quyền;
- Quyền quyết định;
- Tiếp cận với thị trường;
- Nguồn vốn;
- Mạng lưới bên ngoài;
- Nơi đại diện cộng đồng;
- Niềm tin vào cán bộ và nhóm đoàn thể nhà nước;
- Tiếp cận với trang thiết bị và công cụ;
- Tự linh hoạt một cách hiệu quả.

Các yếu tố cho phép: có thể bao gồm tính muốn được thay đổi của người dân; cởi mở trong thay đổi các hoạt động sinh kế; gắn kết với thiên nhiên và giá trị rừng và các loài động vật hoang dã; và các hoạt động đạo lý tích cực.

Điều kiện tham gia vào PES của cộng đồng địa phương

Các điều kiện quan trọng nhất

- Không phải di rời đến các khu vực khác (đặc biệt là người tham gia ở vùng đệm);
- Mọi người mong muốn được tích cực tạo thêm kế sinh nhai (không muốn ngồi chơi);
- Tiếp tục tiếp cận với tài nguyên rừng cho sử dụng trong gia đình - ở mức độ thấp;
- Một cơ chế PES phải tạo ra thu nhập – (và việc làm tại xã vùng đệm) hơn là chỉ thông qua các hoạt động sinh kế.

Điều kiện quan trọng tiếp theo

- Tiền nên được giao cho một người đáng tin cậy (được chọn bởi người địa phương);
- Ít nhóm và tầng lớp nên tham gia;
- Tăng cường trao đổi và minh bạch giữa cộng đồng và cán bộ;
- Người bản địa có tiếng nói và quyền quyết định hơn;
- Đền đáp nên kết hợp các loại khuyến khích (tiền và các loại vật chất khác, như gạo);
- Đền đáp nên được trả thường xuyên.

‘Cần câu hiệu quả’

Người dân muốn được bận rộn và nếu họ có cơ hội việc làm, họ sẽ ít có khả năng có thời gian (hoặc nhu cầu tiền bạc) để tham gia vào các hoạt động rừng trái phép.

Thông điệp: Kết quả nhấn mạnh tầm quan trọng của ba yêu cầu chính trong thiết kế cơ chế PES vì người nghèo, trong đó cần có: 1) tiến hành các nghiên cứu sâu rộng - để tìm hiểu bối cảnh và các quan điểm thông thường của người cung cấp địa phương; 2) tập trung vào nghiên cứu chất lượng – đúc kết từ các công cụ có sự tham gia và bài học từ xã hội và phát triển nông thôn; và 3) cân nhắc khả năng lai tạp cơ chế PES (như trong cơ chế kết hợp khái niệm PES với các hướng tiếp cận gián tiếp như các dự án lồng ghép bảo tồn và phát triển.)

Hướng đi tiếp theo

Một thể hệ mới của các dự án lồng ghép bảo tồn và phát triển, áp dụng các hướng tiếp cận khác nhau gọi là 'tiếp cận cảnh quan' và 'tiếp cận hệ sinh thái', đang được thực hiện nhằm chỉ ra các vấn đề liên quan đến bảo tồn đa dạng sinh học và cải thiện sinh kế. Tuy nhiên, cần phải có những suy ngẫm sâu sắc về thiết kế và thực thi dự án sao cho chắc chắn đạt được kết quả bảo tồn và phát triển một cách thành công. Dựa vào các kết quả nêu trên, chúng tôi đề xuất các dự án nên:

1. được thực hiện ở các cấp độ khác nhau;
2. chỉ ra được vấn đề cân bằng bảo tồn và phát triển thông qua xác định chúng, cung cấp nền tảng cho đàm phán các bên và sử dụng các công cụ như chi trả cho dịch vụ môi trường (PES) nhằm tạo khuyến khích cho bảo tồn;
3. chú trọng hơn vào khía cạnh tổ chức và thể chế trong thực hiện;
4. quan tâm nhiều hơn tới các yếu tố dẫn tới thay đổi từ khu vực bên ngoài và không ở địa phương;
5. sử dụng phương thức quản lý thích ứng (tương ứng với các hướng tiếp cận bài học xã hội); và

6. lồng ghép các tiếp cận hành động có sự tham gia. Kết hợp, kết quả, thời gian, hình thái và chất lượng của các can thiệp tại các qui mô khác nhau sẽ là quan trọng gây ảnh hưởng tới đầu ra sản phẩm.

CIFOR và các đối tác làm việc về đề tài này rất quan tâm tới việc khám phá các trường hợp trong đó có thể điều hoà các mục tiêu bảo tồn và phát triển tại các cảnh quan rừng, đặc biệt là tại cấp độ sinh thái hoặc cảnh quan. Nghiên cứu của chúng tôi tập trung vào xác định các trường hợp "đôi bên cùng có lợi", các bối cảnh khiến chúng có thể phát triển song song, và làm thế nào để nhân rộng.

Lời cảm ơn

Bản tóm tắt này được biên soạn từ nghiên cứu thực hiện bởi Elizabeth (Betsy) Hill, Lisa Petheram, Luke Daniel Preece, Barbara Herrero Cangas, Ramadhani Achdiawan, Terry Sunderland, Manuel Ruiz Perez, Bruce Campbell và Natasha Stacey.



Vườn Quốc Gia Bạch Mã, Việt Nam - Ảnh: Luke Preece

Đối tác và các bên liên kết

Tên điểm	Quốc gia	Quản lý dự án	Hỗ trợ kỹ thuật
Vườn Quốc gia Cát Tiên (CTNP)	Việt Nam	Ban quản lý CTNP	
Khu Bảo tồn thiên nhiên Sông Thanh (STNR)	Việt Nam	Ban quản lý STNR	WWF Quảng Nam
Vườn Quốc gia Bạch Mã (BMNP)	Việt Nam	Ban quản lý BMNP	
Vườn Quốc gia Tam Đảo (TDNP)	Việt Nam	Ban quản lý TDNP	GTZ
Khu Bảo tồn thiên nhiên Văn Bản (VBNR)	Việt Nam	Ban quản lý VBNR	Fauna and Flora International
Khu Bảo tồn Đa dạng sinh học Seima (SBCA)	Campuchia	Ban điều hành rừng	Wildlife Conservation Society
Khu Bảo tồn rừng Trung Cardamom (CCPF)	Campuchia	Ban điều hành rừng	Conservation International
Khu Bảo tồn rừng Mondulkiri (MPF)	Campuchia	Ban điều hành rừng	WWF Campuchia
Khu Bảo tồn động vật hoang dã Phnom Samkos (PSWS)	Campuchia	Bộ môi trường và Ban quản lý PSWS	Fauna and Flora International
Vườn Quốc gia Virachey (VNP)	Campuchia	Dự án đa dạng sinh học và quản lý bảo tồn (BPAMP)	
Hành lang Đa dạng sinh học Dong Hoa Sao-Xe Pian	Lào	WWF thông qua sáng kiến hành lang đa dạng sinh học của ngân hàng phát triển Châu Á thái bình dương (tên điểm - BCI)	
Khu Bảo tồn Quốc gia Nakai-Nam Theun (NNT)	Lào	Ban quản lý nguồn nước và bảo vệ Nam Theun 2 (WMPA)	
Khu Bảo tồn Quốc gia Nam Kading (NKD)	Lào	Cục Lâm nghiệp	Wildlife Conservation Society
Khu Bảo tồn Quốc gia Nam Et-Phou Louey (NEPL)	Lào	Cục Lâm nghiệp	Wildlife Conservation Society
Khu Bảo tồn thiên nhiên Bokeo (BOK)	Lào	Gibbon Experience	

Đây là dự án nghiên cứu trong vòng ba năm (2006 – 2009) do Trung tâm nghiên cứu lâm nghiệp Quốc tế thực hiện tại các quốc gia ở lưu vực sông Mê Kông (Campuchia, Lào và Việt Nam). Dự án này được tài trợ bởi quỹ MacArthur.

Xuất bản: Trung tâm nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR)
Bản quyền: Trung tâm nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR)
Thiết kế và trình bày: Vidya Fitrian, CIFOR Bogor, Indônêxia
In tại: Công ty trách nhiệm hữu hạn Sao Thủy (Deejsc), Hà Nội
Thông tin có thể được tìm tại:

Trụ sở chính CIFOR

Jl. CIFOR Situgede
P.O. Box 0113 BOCBD
Bogor 16000
Indonesia
Điện thoại: +62 251 8622 622
Fax: +62 251 8622 100
Hòm thư điện tử: cifor@cgiar.org

Văn phòng CIFOR Việt Nam

Phòng 302, 17T5 Trung Hòa Nhân Chính – Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 4 62510830
Fax: +84 4 62510830
Địa chỉ hòm thư: icraf-vn@cgiar.org

Trang điện tử: www.cifor.cgiar.org

Việc chọn các điểm địa lý trong bản tóm tắt này, và các tài liệu trình bày, không có ngụ ý nào khác về luật pháp của bất kỳ quốc gia, lãnh thổ hoặc khu vực, hoặc quyền liên quan đến việc phân định ranh giới hoặc đường biên của các vùng lãnh thổ quốc gia đó, và không thể hiện bất kỳ ý kiến nào khác của CIFOR hoặc các tổ chức tham gia liên quan.



MACARTHUR
The John D. and Catherine T. MacArthur Foundation



Trung tâm nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR) thúc đẩy các tiến bộ con người, bảo tồn môi trường, và công bằng thông qua tiến hành nghiên cứu cung cấp thông tin về chính sách và các ứng dụng ảnh hưởng đến lâm nghiệp của các quốc gia đang phát triển. CIFOR là một trong 15 trung tâm thuộc Nhóm tư vấn nghiên cứu Nông nghiệp Quốc tế (CGIAR). Trụ sở chính của CIFOR đặt tại Bogor, Indônêxia. Trung tâm cũng có văn phòng tại Châu Á, Châu Phi và Châu Mỹ La Tinh. CIFOR hoạt động trên 30 quốc gia trên toàn thế giới và có mạng lưới liên kết với các nhà nghiên cứu tại 50 tổ chức quốc tế, khu vực và trong nước. www.cifor.cgiar.org